

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

| TT                      | Chủ đề/Chương                       | Nội dung/Đơn vị kiến thức                             | Mức độ đánh giá |                  |          |               |               |          |         |      |            | Tổng      |           |          | Tỉ lệ % điểm |
|-------------------------|-------------------------------------|---|-----------------|------------------|----------|---------------|---------------|----------|---------|------|------------|-----------|-----------|----------|--------------|
|                         |                                     |   | TNKQ            |                  |          |               |               |          | Tự luận |      |            |           |           |          |              |
|                         |                                     |   | Nhiều lựa chọn  |                  |          | "Đúng – Sai"  |               |          | Biết    | Hiểu | Vận dụng   | Biết      | Hiểu      | Vận dụng |              |
|                         |                                     |   | Biết            | Hiểu             | Vận dụng | Biết          | Hiểu          | Vận dụng |         |      |            |           |           |          |              |
| 1                       | Chủ đề A. Máy tính và công đồng     | Bài 1: Thông tin và dữ liệu<br>Bài 2: Xử lí thông tin | PI<br>C1,2,3    | PI<br>C9,1<br>0  |          | PII<br>C13a,b | PII<br>C13a,b |          |         |      | PIII<br>C1 | 5         | 4         | 1        | 6,5%<br>6,5  |
|                         |                                     | Bài 3: Thông tin trong máy tính                       | PI<br>C4        |                  |          | PII<br>C14a,b | PII<br>C14a,b |          |         |      | PIII<br>C2 | 3         | 2         | 1        |              |
| 2                       | Chủ đề B. Mạng máy tính và internet | Bài 4: Mạng máy tính                                  | PI<br>C5,6,7    | PI<br>C11,<br>12 |          | PII<br>C15a,b | PII<br>C15a,b |          |         |      |            | 5         | 4         |          | 3,5%<br>3,5  |
|                         |                                     | Bài 5: Internet                                       | PI<br>C8        |                  |          | PII<br>C16a,b | PII<br>C16a,b |          |         |      |            | 1         | 4         |          |              |
| <b>Tổng số lệnh hỏi</b> |                                     |   | <b>8</b>        | <b>4</b>         |          | <b>8</b>      | <b>8</b>      |          |         |      | <b>2</b>   | <b>14</b> | <b>14</b> | <b>2</b> |              |
| <b>Tổng số điểm</b>     |                                     |   | 3,0             |                  |          | 4,0           |               |          | 3,0     |      |            | 4,0       | 3,0       | 3,0      | 10           |
| <b>Tỉ lệ %</b>          |                                     |   | 30%             |                  |          | 40%           |               |          | 30%     |      |            | 40%       | 30%       | 30%      | 100%         |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

| TT | Chủ đề/Chương                          | Nội dung/Đơn vị kiến thức   | Yêu cầu cần đạt   | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |                    |          |                      |      |          |         |                   |          |  |
|----|--|---|---|----------------------------------|--------------------|----------|----------------------|------|----------|---------|-------------------|----------|--|
|    |  |   |   | TNKQ                             |                    |          |                      |      |          | Tự luận |                   |          |  |
|    |  |   |   | Nhiều lựa chọn                   |                    |          | “Đúng – Sai”         |      |          | Biết    | Hiểu              | Vận dụng |  |
|    |  |   |   | Biết                             | Hiểu               | Vận dụng | Biết                 | Hiểu | Vận dụng |         |                   |          |  |
| 1  | <b>Chủ đề A. Máy tính và công đồng</b> | Bài 1 Thông tin và dữ liệu<br>Bài 2: Xử lý thông tin trong máy tính | <b>Nhận biết</b><br>Trong các tình huống cụ thể có sẵn:<br>- Phân biệt được thông tin với vật mang tin<br>- Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.<br>- Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin. | PI<br>C1,2,3                     |                    |          | PII<br>C13a,b        |      |          |         |                   |          |  |
|    |  |   | <b>Thông hiểu</b><br>- Nêu được ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.<br>- Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.   |                                  | NLc<br>PI<br>C9,10 |          | NLc<br>PII<br>C13c,d |      |          |         |                   |          |  |
|    |  |   | <b>Vận dụng</b><br>- Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.   |                                  |                    |          |                      |      |          |         | NLb<br>PIII<br>C1 |          |  |
|    |  | Bài 3: Thông tin trong máy tính                                     | <b>Nhận biết</b><br>- Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.<br>- Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin:                                   | PI<br>C4                         |                    |          | PII<br>C14a,b        |      |          |         |                   |          |  |

| TT | Chủ đề/Chương                              | Nội dung/Đơn vị kiến thức                         | Yêu cầu cần đạt   | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |   |                   |          |         |      |          |  |                   |
|----|--|---|---|----------------------------------|------|----------|---|-------------------|----------|---------|------|----------|--|-------------------|
|    |  |   |   | TNKQ                             |      |          |   |                   |          | Tự luận |      |          |  |                   |
|    |  |   |   | Nhiều lựa chọn                   |      |          | “Đúng – Sai”  |                   |          |         |      |          |  |                   |
|    |  |   |   | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết  | Hiểu              | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |  |                   |
|    |  |   | Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte.   |                                  |      |          |   |                   |          |         |      |          |  |                   |
|    |  |   | <b>Thông hiểu</b><br>- Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.   |                                  |      |          |   | PII<br>C14<br>c,d |          |         |      |          |  |                   |
|    |  |   | <b>Vận dụng cao</b><br>- Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,...   |                                  |      |          |   |                   |          |         |      |          |  | NLa<br>PIII<br>C2 |
|    | <b>Chủ đề B. Mạng máy tính và internet</b> | Bài 4:<br>Mạng máy tính<br><br>Bài 5:<br>Internet | <b>Nhận biết</b><br>- Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính.<br>- Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,...<br>- Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet | NLa<br><br>PI<br>C5,6,7,<br>8    |      |          | NLa<br><br>PII<br>C15<br>a,b<br><br>PII<br>C16<br>a,b |                   |          |         |      |          |  |                   |

| TT                      | Chủ đề/Chương | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt  | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |   |          |      |      |          |  |   |
|-------------------------|---------------|---------------------------|--|----------------------------------|------|----------|--------------|---|----------|------|------|----------|--|---|
|                         |               |                           |  | TNKQ                             |      |          | Tự luận      |   |          |      |      |          |  |   |
|                         |               |                           |  | Nhiều lựa chọn                   |      |          | “Đúng – Sai” |   |          |      |      |          |  |   |
|                         |               |                           |  | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu  | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |  |   |
|                         |               |                           | <b>Thông hiểu</b><br>- Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. |                                  |      |          |              | NLa<br>PII<br>C15<br>c,d<br>PII<br>C16<br>c,d |          |      |      |          |  |   |
| <b>Tổng số lệnh hỏi</b> |               |                           |  | 8                                | 4    |          | 8            | 8   |          |      |      |          |  | 2 |
| <b>Tổng số điểm</b>     |               |                           |  | 3,0                              |      |          | 4,0          |   |          | 3,0  |      |          |  |   |
| <b>Tỉ lệ %</b>          |               |                           |  | 30                               |      |          | 40           |   |          | 30   |      |          |  |   |

**BAN XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**GIÁO VIÊN**



**Trần Thị Tú Anh**

**TỔ TRƯỞNG**



**Đoàn Thị Huế**

**BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT**



**HIỆU TRƯỞNG**

*Nguyễn Thị Quy*

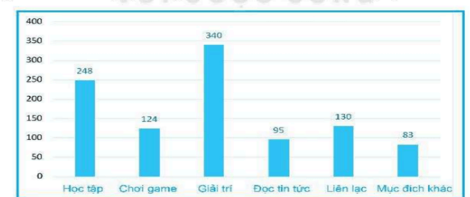
**I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)**

**Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (Mỗi câu hỏi học sinh chọn một phương án đúng nhất) (3,0 điểm)**

**Câu 1:** Bạn Khoa vẽ biểu đồ trên giấy như sau:

Theo em tờ giấy của bạn Khoa đóng vai trò là gì?

- A. Vật mang tin.
- B. Thông tin.
- C. Dữ liệu.
- D. Dữ liệu và thông tin



Hình 3. Biểu đồ cột

**Câu 2:** Công việc: “Bố em xem chương trình thời sự trên ti vi” là hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin??

- A. Thu nhận thông tin
- B. Lưu trữ thông tin
- C. Truyền thông tin
- D. Xử lý thông tin

**Câu 3:** Công việc: “Ghi chép bài trên bảng vào vở” là hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận thông tin
- B. Lưu trữ thông tin
- C. Truyền thông tin
- D. Xử lý thông tin

**Câu 4:** Đơn vị đo dung lượng thông tin lớn nhất là gì?

- A. Byte
- B. Megabyte
- C. Kilobyte
- D. Tegabyte

**Câu 5:** Thiết bị di động được gọi là thành phần gì của mạng máy tính?

- A. Thiết bị đầu cuối
- B. Bộ định tuyến, bộ định tuyến không dây
- C. Thiết bị kết nối
- D. Phần mềm mạng

**Câu 6:** Thiết bị nào sau đây là 1 thiết bị kết nối của mạng máy tính?

- A. Máy tính
- B. Máy in
- C. Máy ảnh
- D. Bộ định tuyến

**Câu 7:** Trong những nhận định sau, nhận định nào *không* phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

- A. Giảm chi phí vì dùng chung thiết bị mạng
- B. Tăng chi phí phải mua nhiều thiết bị dùng chung mạng
- C. Trao đổi thông tin
- D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng

**Câu 8.** Một trong những ích lợi chính của Internet là:

- A. Chỉ dùng để chơi game trực tuyến
- B. Giúp con người kết nối, trao đổi thông tin nhanh chóng trên toàn cầu
- C. Chỉ có thể lưu trữ dữ liệu trong máy tính cá nhân
- D. Chỉ có lợi cho người làm việc trong lĩnh vực công nghệ

**Câu 9:** Ví dụ nào sau đây không đúng khi nói thông tin chính là dữ liệu?

- A. Em học toán bằng cách xem bài giảng trực tuyến
- B. Đến ngã tư em nhìn thấy tín hiệu giao thông báo đèn đỏ
- C. Bé An 2 tuổi xem bản tin dự báo thời tiết cùng với bố
- D. Em đọc nội dung thông báo lịch học của cô giáo trên nhóm zalo của lớp.

**Câu 10.** Trong học tập, thông tin có vai trò quan trọng vì:

- A. Giúp học sinh tra cứu, tìm kiếm thức chính xác để học hiệu quả hơn
- B. Chỉ có giá trị giải trí
- C. Luôn đúng, không cần kiểm chứng
- D. Không ảnh hưởng đến kết quả học tập

**Câu 11.** Trong tình huống nào mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

- A. Văn phòng nhỏ, chỉ có 2 máy tính đặt cố định cạnh nhau
- B. Học sinh mang theo laptop để kết nối Internet trong thư viện trường
- C. Phòng máy tính cố định, tất cả máy đã được nối bằng dây mạng
- D. Nhà máy sản xuất cần mạng tốc độ rất cao và ổn định

**Câu 12.** Khi đi du lịch và muốn dùng điện thoại để truy cập Internet ở khách sạn, loại mạng nào tiện lợi hơn?

- A. Mạng có dây, vì tốc độ cao hơn
- B. Mạng không dây (Wi-Fi), vì có thể kết nối dễ dàng ở bất kỳ vị trí nào trong khách sạn.
- C. Mạng có dây, vì an toàn tuyệt đối
- D. Không thể dùng Internet khi đi du lịch

**Phần II: Trắc nghiệm đúng sai (4,0 điểm). Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

**Câu 13:** Quá trình thu thập thông tin trong thời đại số, việc xử lý thông tin trở nên ngày càng quan trọng và ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của cuộc sống, từ công việc, học tập đến giải trí. Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Dữ liệu là số, còn thông tin là chữ.
- b) Trong một cuốn sách Toán, các ký hiệu, con số và hình vẽ chính là thông tin chứ không phải vật mang tin.
- c) Dữ liệu là những con số, ký hiệu, chữ cái rời rạc; còn thông tin là ý nghĩa mà con người rút ra được từ việc xử lý dữ liệu.
- d) Quan sát một bức ảnh chụp lớp học, bức ảnh đó chứa dữ liệu hình ảnh; còn việc rút ra nhận xét “lớp học có 30 học sinh” chính là thông tin.

**Câu 14:** Đánh giá tính đúng sai cho từng nhận định sau:

- a) Bit là đơn vị nhỏ nhất dùng để đo lượng thông tin trong máy tính

- b) Một ổ cứng di động 1TB có dung lượng nhớ tương đương là 1024Kb
- c) Máy tính có thể biểu diễn mọi thông tin (chữ, số, hình ảnh, âm thanh) chỉ bằng hai kí hiệu 0 và 1.
- d) Máy tính hiểu ngôn ngữ tự nhiên của con người nên máy tính biểu diễn thông tin cũng giống con người là âm thanh, chữ số và hình ảnh.

**Câu 15:** Đánh giá tính đúng sai cho từng nhận định sau:

- a) Trong phòng máy để kết nối các máy tính với nhau tạo thành một mạng máy tính người ta dùng thiết bị bộ chia (Hub)
- b) Access Point được dùng để phát sóng Wi-Fi cho các thiết bị di động trong mạng máy tính
- c) Trong lớp học, khi giáo viên cần di chuyển máy tính từ phòng này sang phòng khác, mạng không dây sẽ tiện hơn mạng có dây.
- d) Trong phòng máy cố định ở trường, mạng không dây luôn ổn định hơn mạng có dây.

**Câu 16:** Một mạng máy tính bao gồm nhiều thành phần khác nhau, mỗi thành phần đóng một vai trò quan trọng trong việc kết nối và truyền tải dữ liệu. Việc hiểu rõ về các thành phần này giúp chúng ta có cái nhìn tổng quan hơn về cách thức hoạt động của một mạng máy tính. Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Thiết bị đầu cuối là các thiết bị được kết nối trực tiếp vào mạng, như máy tính, điện thoại, máy in.
- b) Bộ định tuyến (router) có chức năng chuyển tiếp gói tin giữa các mạng khác nhau.
- c) Kết nối không dây giúp chúng ta linh hoạt hơn trong việc di chuyển và sử dụng các thiết bị.
- d) Khi sử dụng máy tính để bàn người dùng thường ưu tiên lắp đặt mạng có dây.

## **Phần II. Tự luận (3,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Em hãy chứng minh các thiết bị này giúp ích cho việc học tập (Nêu ví dụ minh họa cụ thể)

**Câu 2 (1,0 điểm) :** Vận dụng các kiến thức đã học hãy giúp bạn Minh đưa quyết định nên sử dụng USB có dung lượng 2GB hay 8GB để lưu trữ 5 tệp phim hoạt hình. Biết rằng mỗi tệp tin có dung lượng là 1020 MB.

**Hết**

**I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)**

**Phần I.** Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

|      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
|------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Chọn | A | A | B | D | A | D | B | B | C | A  | B  | B  |

**Phần II.** Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

| Câu 13. | Câu 14. | Câu 15. | Câu 16. |
|---------|---------|---------|---------|
| a)S     | a)Đ     | a)Đ     | a)Đ     |
| b) Đ    | b) S    | b)Đ     | b) Đ    |
| c) Đ    | c) Đ    | c) Đ    | c) Đ    |
| d) Đ    | d)S     | d)S     | d)Đ     |

**II. Tự luận (3,0 điểm)**

**Câu 1: (2,0 điểm)**

Đáp án: Học sinh ra lợi ích và lấy được ví dụ mỗi ý được 1,0 điểm

- Tự học các môn học, hỗ trợ tìm kiếm những thông tin, kiến thức chưa biết qua mạng Internet, ví dụ...

- Giúp liên lạc, trao đổi thông tin với cô giáo và các bạn (Ví dụ)

**Câu 2: (1,0 điểm)**

Dung lượng để chứa 5 tệp phim hoạt hình là:

$$5 \times 1024 = 5120 \text{MB}$$

$$5120 \text{MB bằng số GB là: } 5120 : 1024 = 5 \text{GB}$$

Vậy bạn Minh nên sử dụng USB 8 GB

(Cách làm khác đúng vẫn cho điểm)

Hết

**BAN THẨM ĐỊNH ĐỀ KIỂM TRA**

**GIÁO VIÊN**

**TỔ TRƯỞNG**

**BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT**

**Trần Thị Tú Anh**

**Đoàn Thị Huế**



**HIỆU TRƯỞNG**

*Nguyễn Thị Quy*

